TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Án số: 20 /2019/HNGĐ- ST
Ngày: 23/7/2019.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu Huyền
Ông Lương Ngọc Biên
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 109/2019/TLST- HNGĐ ngày 12/4/2019 về " *Tranh chấp HN&GĐ*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST/HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Ph, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Nơi ĐKHKTT: thôn Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Vũ Trí C, sinh năm 1988 (vắng mặt, đã được tống đạt 02 lần vẫn vắng mặt).
Cư trú tại: thôn Th, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/4/2019, được bổ sung bằng lời khai sau này nguyên đơn là chị Phan Thị Ph trình bày: Chị và anh C kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2008, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2010 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên rượu chè về đánh vợ. Chị khuyên bảo, anh C không sửa chữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất năm 2013, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy,

chị khuyên bảo anh C không sửa chữa, mà còn đánh đuổi mẹ con chị. Mẹ con chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Thời gian về nhà bố mẹ đẻ, anh C không gọi chị về. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, không có kết quả.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Thanh Th, sinh 03/6/2010 hiện đang ở với chị, con chung thứ 2 là Vũ Minh A, sinh 08/7/2012, hiện đang ở với anh C.

Nay ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Trí C là bị đơn: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần giao Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Anh C không thực hiện nghĩa vụ, bỏ mất quyền của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định..

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 227, 228, 271, 273 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, từ Điều 81 đến Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án để xử:

- Quan hệ vợ chồng: chị Phan Thị Ph được ly hôn anh Vũ Trí C.
- Con chung: Giao cho chị Ph nuôi 02 con, cháu Vũ Thanh Th, sinh 03/6/2010, cháu Vũ Minh A, sinh ngày 08/7/2012. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.
- Tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Án phí: Buộc chị Ph phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.
- Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Kết quả xác minh gia đình, địa phương cung cấp, hiện anh C có hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Đ, huyện Y, anh C đi làm. Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án, 02 lần giao giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C đều cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 01 tháng 7 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành giao 02 lần giấy triệu tập phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh C đều vắng mặt. Chị Phan Thị Ph là nguyên đơn, sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Chị Ph và anh C kết hôn ngày 10 tháng 11 năm 2008 (âm lịch), trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Y là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2010 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh C thường xuyên rượu chè về đánh chị Ph, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng nhất năm 2013, nguyên nhân là do anh C nghiện ma túy, chị Ph khuyên bảo, anh C không sửa chữa mà còn đánh đuổi mẹ con chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại gia đình và địa phương cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh C nghiện ma túy, chị Ph là vợ không biết cách khuyên chồng. Vợ chồng cãi nhau, chị Ph bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2013 đến nay

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng chị Ph và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy: Hiện anh C nghiện ma túy. Các con chung nguyện vọng ở với chị Ph. Và chị Ph đề nghị Tòa án giải quyết cho chị nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho chị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác chị Ph không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị Ph phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điểm e Khoản 1 Điều 192,

các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ph được ly hôn anh Vũ Trí C.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Vũ Thanh Th, sinh 03/6/2010 và Vũ Minh A, sinh 08/7/2012.

Chị Ph không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét. Anh C có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ph phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002794 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị Ph đã nộp đủ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã Đ.

Bùi Thị Hương